Phụ lục 85
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ VĨNH GIA

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 3, 4, 5, 6, 13, 34,35 Phụ lục 85 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL85 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG VÀ CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI KHÁC**			
1		Quốc lộ N1		
	3	- Ranh xã Ba Chúc - Cầu T4 TW	400	Sửa giá do sai sót khi biên tập Nghị quyết 16, sửa đổi lại giá theo đúng Quyết định 31/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang
	4	- Cầu T4 TW - Đường nước Nguyễn Văn Hai	475	Sửa giá do sai sót khi biên tập Nghị quyết 16, sửa đổi lại giá theo đúng Quyết định 31/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang
2	34	Các tuyến đường khác có độ rộng đường >=3m	134	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường >=3m được trải bê tông hoặc nhựa)
3	35	Các tuyến đường khác có độ rộng đường <3m	115	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường <3m được trải bê tông hoặc nhựa)

TT	Số TT PL85 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
II	**BỔ SUNG**			
1		Quốc lộ N1		Bổ sung tên
	5	- Đường nước Nguyễn Văn Hai - Mương đồn	400	
	6	- Mương đồn - Cầu ranh xã Vĩnh Điều	400	
2	13	Đường từ cầu chữ U - ranh Ô Lâm	188	Bổ sung
III	**HỦY BỎ**			
1	36	Các tuyến đường còn lại		Huỷ bỏ

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL85 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
I	**I**	**Khu vực ấp: Vĩnh Hòa, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Cầu, Vĩnh Lạc**		
1	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
d	d	Khu vực còn lại	25	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (chỉ xác định một vị trí))
2	2	Đất trồng cây lâu năm		
c	c	Khu vực còn lại	30	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (chỉ xác định một vị trí))
3	3	Đất rừng	15	Sửa tên đường (Tên cũ: Đất rừng (chỉ xác định một vị trí))
II	**II**	**Khu vực ấp: Giồng Cát, Cà Na, Cây Gòn, Ninh Phước, Phú Lâm**		
1	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
c	c	Khu vực còn lại	25	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (chỉ xác định một vị trí)

TT	Số TT PL85 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
2	2	Đất trồng cây lâu năm		
c	c	Khu vực còn lại	24	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (chỉ xác định một vị trí))
3	3	Đất rừng	15	Sửa tên đường (Tên cũ: Đất rừng (chỉ xác định một vị trí))
III	**III**	**Khu vực ấp: Vĩnh An, Vĩnh Lộc, Vĩnh Thành**		
1	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
b	b	Khu vực còn lại	25	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (chỉ xác định một vị trí))
2	2	Đất trồng cây lâu năm		
b	b	Khu vực còn lại	24	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (chỉ xác định một vị trí))
3	3	Đất rừng	15	Sửa tên đường (Tên cũ: Đất rừng (chỉ xác định một vị trí))